

## TỜ TRÌNH

### Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

Ngày 26/11/2014, Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 (Luật Doanh nghiệp 2014), theo đó nội dung Luật Doanh nghiệp 2014 có nhiều điểm thay đổi so với nội dung tại Luật Doanh nghiệp 2005.

Trên cơ sở tham khảo dự thảo Thông tư sửa đổi hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (thay thế Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng) trong đó có dự thảo Điều lệ mẫu sửa đổi áp dụng với công ty đại chúng.

HDQT đã rà soát Điều lệ Công ty hiện hành, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam như sau:

#### **1. Tóm tắt các nội dung sửa đổi**

Điều lệ hiện tại của Công ty gồm 23 Chương, 61 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, dự thảo Điều lệ sửa đổi còn 21 Chương, 54 Điều.

#### **1.1. Các điều chỉnh do sửa đổi, bổ sung nội dung**

1. Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 1 định nghĩa về “Vốn điều lệ” theo quy định của Khoản 29, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2014.

2. Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 1 định nghĩa về “Luật Doanh nghiệp” vì Luật Doanh nghiệp 2014 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2005.

3. Bỏ Khoản 4, Điều 2: Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty do bổ sung có 02 đại diện pháp luật.

4. Sửa đổi Khoản 5, Điều 2: Do thay đổi về số lượng Chi nhánh, Công ty thành viên

5. Bổ sung 01 điều mới sau Điều 2 của Điều lệ cũ là Điều 3 của Dự thảo Điều lệ mới về Người đại diện pháp luật của Công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc theo Điều 13, Luật Doanh nghiệp 2014 và tình hình thực tế tại Công ty.

6. Sửa đổi Khoản 1, Điều 3 về lĩnh vực hoạt động theo quy định mới tại Điều 7, Luật Doanh nghiệp 2014, trong đó có bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh mới theo yêu cầu thực tế hiện nay của doanh nghiệp.

7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 về phạm vi kinh doanh và hoạt động theo quy định mới tại Điều 7, Luật Doanh nghiệp 2014.

8. Sửa đổi Khoản 2 Điều 4 về phạm vi kinh doanh và hoạt động theo quy định mới tại Điều 7, Luật Doanh nghiệp 2014.

9. Sửa đổi Khoản 4, Điều 6 về chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014.

10. Bỏ Khoản 6, Điều 12 về nghĩa vụ của cổ đông theo quy định mới tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014.

11. Sửa đổi Khoản 2, Điều 13 về việc HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên theo quy định mới tại Khoản 1, Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.

12. Sửa đổi Điểm b và c Khoản 1 Điều 14 về Báo cáo của HĐQT và BKS theo quy định mới tại Điểm c và d khoản 2, Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.

13. Sửa đổi Điểm m, Khoản 2 Điều 14 trong quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ quy định về tỷ lệ quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh từ 50% trở lên xuống còn từ 35% trở lên theo các quy định mới tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135; Điểm đ, Khoản 2 Điều 143 và Điểm d, Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

14. Sửa đổi Khoản 1 Điều 18 về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ khi điều chỉnh tỷ lệ cổ đông tham dự từ 65% xuống 51% theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014.

15. Sửa đổi Khoản 2, Điều 18 về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ lần hai khi điều chỉnh tỷ lệ cổ đông tham dự từ 51% xuống 33% theo quy định tại Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014.

16. Sửa đổi Khoản 1 Điều 20 về tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

17. Bổ sung một khoản trong Điều 20 về việc bầu thành viên HĐQT và BKS theo quy định tại Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

18. Sửa đổi khoản 2 Điều 20 về thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định mới tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

19. Sửa đổi Khoản 4, Điều 21 về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 4, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014.

20. Sửa đổi Điểm a, Khoản 5, Điều 21 về nội dung biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014.

21. Sửa đổi Khoản 6, Điều 21 về công bố Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 6, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014.

22. Sửa đổi Khoản 8 Điều 21 về tỷ lệ để thông qua quyết định với thể thức lấy ý kiến bằng văn bản từ 75% xuống còn 51% theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

23. Bổ sung 01 điều mới sau Điều 23 tại Điều lệ cũ là Điều 25 trong dự thảo Điều lệ mới về Hiệu lực các Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014.

24. Sửa đổi Điểm e, Khoản 4, Điều 25 về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo nội dung tại Điểm h, Khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014.

25. Sửa đổi Khoản 4 Điều 27 về các cuộc họp của HĐQT cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.

26. Sửa đổi Khoản 8 Điều 27 về các cuộc họp của HĐQT cho phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.

27. Sửa đổi Khoản 2 Điều 30 về nhiệm kỳ của Tổng giám đốc từ 03 năm lên thành 05 năm cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014.

28. Sửa đổi Khoản 1, Điều 32 về tiêu chuẩn thành viên và Trưởng Ban Kiểm soát cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 163 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014.

29. Sửa đổi Khoản 4 Điều 35 về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.

30. Bỏ Chương XI về quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác gồm 04 điều và Chương XII về quan hệ với đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết gồm 05 điều do Luật Doanh nghiệp 2014 không bắt buộc và để thuận lợi hơn cho công tác quản trị, Công ty sẽ điều chỉnh, sửa đổi các nội dung này tại Quy chế quản lý và hoạt động của Người đại diện phần vốn của Vosco tại doanh nghiệp có vốn góp.

## **1.2. Các điều chỉnh do thay đổi điều khoản tham chiếu trong Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc trong Điều lệ mới**

1. Khoản 6, Điều 2.
2. Khoản 5, Điều 5
3. Điểm a và Điểm b, Khoản 3, Điều 11
4. Điểm d, Khoản 3, Điều 13
5. Điểm đ, Khoản 3, Điều 13
6. Điểm a, Khoản 4, Điều 13
7. Điểm b, Khoản 4, Điều 13
8. Điểm c, Khoản 4, Điều 13
9. Điều p, Khoản 2, Điều 14
10. Điểm a, Khoản 3 Điều 14
11. Khoản 4 Điều 15
12. Khoản 2, Điều 16
13. Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 Điều 17
14. Khoản 4, Điều 25
15. Khoản 9, Điều 27
16. Khoản 1, Điều 33
17. Khoản 1, Điều 46
18. Khoản 2, Điều 52

**Bảng tổng hợp các đề xuất sửa đổi, bổ sung được gửi kèm theo Tờ trình này.**

## **2. Đề xuất**

HĐQT Công ty trình xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT thực hiện rà soát, sửa đổi, ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam theo các nội dung đề xuất ở trên.

Trong năm 2017, nếu Thông tư sửa đổi Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng được ban hành, HĐQT Công ty sẽ căn cứ vào Điều lệ mẫu sửa đổi áp dụng với công ty đại chúng để tiếp tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt tại kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Việt Hoài**



**Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014**

Stt	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<b>I- Phần 1: Các điều chỉnh do sửa đổi, bổ sung nội dung</b>			
1	Điều a, Khoản 1, Điều 1 định nghĩa về: "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 5 Điều lệ này	Sửa đổi theo quy định của khoản 29, Điều 4, LDN 2014
2	Điều b, Khoản 1, Điều 1 định nghĩa về: "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	Quốc hội thông qua Luật doanh nghiệp mới và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015
3	Khoản 4, Điều 2: Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty	Bỏ	Bổ sung có 02 đại diện pháp luật
4	Khoản 5, Điều 2: Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 12 Chi nhánh, 04 Công ty con và góp vốn vào 03 tổ chức	Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 08 Chi nhánh, 01 Công ty con	Do thành lập thêm Chi nhánh Trung tâm Cung ứng thuyền viên; Đóng cửa 05 Chi nhánh: Xí nghiệp dịch vụ và đại lý sơn; Xí nghiệp Đại lý Dầu; Chi nhánh tại Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu; Giải thể 01 công ty con: Công ty TNHH MTV Sửa chữa và dịch vụ tàu biển Vosco (Vorras); Thoái hết vốn tại Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines; Thoái vốn xuống dưới 50% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Vosco
		1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	

		3. Mã ngành: 4520 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	
		4. Mã ngành: 4530 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
		5. Mã ngành 4543 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
	Khoản 1 Điều 4 về phạm vi kinh doanh và hoạt động: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa đổi theo quy định của Điều 7 LDN 2014
8	Khoản 2 Điều 4 về phạm vi kinh doanh và hoạt động: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Sửa đổi theo quy định của Điều 7 LDN 2014
9	Khoản 4 Điều 6 về chứng nhận cổ phiếu: Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đổi với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.	Sửa đổi theo quy định của Khoản 3, Điều 120 LDN 2014

<p>10</p> <p>Khoản 6, Điều 12 về nghĩa vụ của cổ đông: Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước</p>	<p>Đề nghị bỏ</p>	<p>Do sự thay đổi của pháp luật: Điều 115 LDN 2014 quy định nghĩa vụ của cổ đông phổ thông không còn quy định nghĩa vụ này nữa</p>
<p>11</p> <p>Khoản 2 Điều 13 về DHDCCD: Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p>Bổ sung theo quy định mới tại Khoản 1, Điều 136 LDN 2014</p>
<p>12</p> <p>Điểm b, c, Khoản 1 Điều 14 về quyền và nhiệm vụ của DHDCCD: Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Kiểm soát</p>	<p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Điểm c, d Khoản 2, Điều 136 LDN 2014</p>

<p>13</p> <p>Điểm m, Khoản 2 Điều 14 về quyền hạn và nhiệm vụ của DHHCD: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <u>50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>Mặc dù theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135 là quy định mở cho phép doanh nghiệp có thể quy định tỷ lệ này cao hơn 35%. Tuy nhiên, tại Điểm đ, Khoản 2 Điều 143 và Điểm đ, Khoản 1, Điều 144 LDN 2014 quy định về hình thức, hiệu lực của Nghị quyết DHHCD được thông qua đều quy định tỷ lệ này bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của công ty hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định. Nghĩa là nếu Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ khác 35% thì tỷ lệ này phải là con số nhỏ hơn. Vì vậy, để phù hợp với quy định tại cả 02 điều thì cần điều chỉnh xuống còn 35%</p>
<p>14</p> <p>Khoản 1 Điều 18 về các điều kiện tiến hành hợp DHHCD: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>65%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 1, Điều 141 LDN 2014</p>
<p>15</p> <p>Khoản 2 Điều 18 về các điều kiện tiến hành hợp DHHCD: Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất <u>33%</u> tổng số phiếu biểu quyết</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 2, Điều 141 LDN 2014</p>
<p>16</p> <p>Khoản 1 Điều 20 về thông qua quyết định của DHHCD: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ <u>65%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ <u>51%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 2, Điều 144 LDN 2014</p>
<p>17</p> <p>Bổ sung tại Điều 20 về thông qua quyết định của DHHCD</p>	<p>Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 144 LDN 2014</p>



<p>18</p>	<p>Khoản 2 Điều 20 về thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Theo quy định mới tại Điều 144 LDN 2014</p>
<p>19</p>	<p>Khoản 4 Điều 21 về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết:</p> <p>Theo quy định tại Khoản 4, Điều 145 LDN 2014 nhằm mở rộng phương thức nhận ý kiến của cổ đông để thuận lợi hơn cho Công ty và cổ đông</p>

20	<p>Điểm a, Khoản 5, Điều 21 về nội dung biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của DHPGD: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p>	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  Chính sửa theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 145 LDN 2014</p>
21	<p>Khoản 6, Điều 21 về công bố biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của DHPGD: Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.  Chính sửa theo quy định tại Khoản 6, Điều 145 LDN 2014</p>
22	<p>Khoản 8, Điều 21 về tỷ lệ để thông qua quyết định với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của DHPGD: Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  Chính sửa theo quy định tại Điều 144 LDN 2014</p>
23	<p>Đề nghị bổ sung 01 điều sau Điều 23 của Điều lệ cũ là Điều 25 của dự thảo Điều lệ mới</p>	<p><b>Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</li> <li>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</li> <li>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol> <p>Bổ sung theo quy định mới tại Điều 148 LDN 2014</p>

<p>24</p> <p>Điểm e, Khoản 4, Điều 25 về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT: Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p>Sửa đổi thành: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm m khoản 2 Điều 15 Điều lệ này</p>	<p>Theo nội dung tại Điểm h, khoản 2, Điều 149 LDN 2014</p>
<p>25</p> <p>Khoản 4, Điều 27 về các cuộc họp của HĐQT: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp.</p> <p>Khoản 8, Điều 27 về các cuộc họp của HĐQT: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p>	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn <u>bảy (7) ngày</u> sau khi có đề xuất họp.</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (7) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 153 LDN 2014 và do bổ sung, bỏ một số điều trong Điều lệ</p>
<p>26</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (7) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 8, Điều 153 LDN 2014</p>
<p>27</p> <p>Khoản 2, Điều 30 về bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là <u>ba (03) năm</u> và có thể được tái bổ nhiệm.</p>	<p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là <u>05 năm</u> và có thể được bổ nhiệm lại.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 157 LDN 2014</p>
<p>28</p> <p>Khoản 1, Điều 32 về thành viên BKS: Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trường ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p>	<p>Trường Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 163 LDN 2014 và Khoản 2, Điều 164 LDN 2014</p>
	<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p>	

	<p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất (trừ các hợp đồng liên quan tới việc quản lý khai thác tàu hàng ngày). Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	
<p>29</p> <p>Sửa đổi khoản 4, Điều 35 về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>		<p>Theo Điều 162 LDN 2014</p>
<p>30</p> <p>Bổ Chương XI: Quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác và Chương XII: Quan hệ với đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết các Điều từ 37 đến Điều 45</p>	<p>LDN 2014 không bắt buộc. Để thuận lợi cho công tác quản trị của doanh nghiệp, Công ty sẽ điều chỉnh, sửa đổi các nội dung này tại "Quy chế quản lý và hoạt động Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại doanh nghiệp có vốn góp"</p>	

**III- Phần I: Các điều chỉnh do thay đổi điều khoản tham chiếu trong Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc trong Điều lệ mới**

<p>1</p> <p>Khoản 6, Điều 2: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	
<p>2</p> <p>Khoản 5, Điều 5 về vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần chi phối. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.</p>	<p>Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần chi phối. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.</p>	
<p>3</p> <p>Khoản 3, Điều 11 về quyền của cổ đông: Điểm a - Dề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này; Điểm b - Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điểm a - Dề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này; Điểm b - Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp</p>	
<p>4</p> <p>Điểm d, Khoản 3, Điều 13 về DHDGD: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản</p>	
<p>5</p> <p>Điểm đ, Khoản 3 Điều 13 về DHDGD: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	

<p>6</p> <p>Điểm a, Khoản 4, Điều 13 về DHDCCD: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13</p>	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14</p>	
<p>7</p> <p>Điểm b, Khoản 4 Điều 13 về DHDCCD: Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p>8</p> <p>Điểm c, Khoản 4 Điều 13 về DHDCCD: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>9</p> <p>Điểm p, Khoản 2 Điều 14 về quyền hạn và nhiệm vụ của DHDCCD: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	

10	<p>Điều a, Khoản 3 Điều 14 về quyền hạn và nhiệm vụ của DHDPCD: Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng</p>	<p>Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>
11	<p>Khoản 4, Điều 15 về các đại diện được ủy quyền: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15</p>	<p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16</p>
12	<p>Khoản 2 Điều 16 về thay đổi các quyền: Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này</p>	<p>Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này</p>
13	<p>Điều 17 về triệu tập DHDPCD, chương trình họp và thông báo họp DHDPCD có các tham chiếu tới các điều cần sửa đổi: tại khoản 1 - Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này; Tại khoản 4 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; Tại khoản 5 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: Tại điểm b, Khoản 5 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	<p>Tại khoản 1 - Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này; Tại khoản 4 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; Tại khoản 5 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau: Tại điểm b, Khoản 5 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>
14	<p>Điểm c, Khoản 4, Điều 25 về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT: Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn</p>	<p>Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn</p>

15	<p>Khoản 9 Điều 27 về các cuộc họp của HĐQT:          Điểm a - Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27; Điểm c - Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27; Điểm d - Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này</p>	<p>Điểm a - Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29; Điểm c - Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29; Điểm d - Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 37 Điều lệ này</p>	
16	<p>Khoản 1, Điều 33 về BKS: Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 LDN</p>	<p>Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 LDN 2014</p>	
17	<p>Khoản 1 Điều 46 về quyền điều tra sổ sách và hồ sơ: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này</p>	
18	<p>Khoản 2 Điều 52 về báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý: Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này</p>	<p>Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này</p>	